

# CÁC PHƯƠNG DIỆN HÌNH THÁI HỌC TIẾNG VIỆT

NGUYỄN PHÚ PHONG\*

## 1. Phần mở đầu

Trong thông báo của tôi nhan đề *Reduplication and Affixation in Vietnamese* tại Hội nghị quốc tế các nhà ngôn ngữ học lần thứ XVI tại Paris năm 1997, tôi đã khảo sát hai kiểu từ láy, *từ láy nghĩa suy giảm* và *từ láy nghĩa tăng cường* và hai kiểu sử dụng phụ tố mà tôi gọi là *nghĩa gián đoạn* và *nghĩa mở rộng*. Trong bài này, ngoài các kiểu phái sinh trên, tôi còn nghiên cứu các dạng khác để miêu tả chi tiết hơn một số phương diện hình thái học tiếng Việt. Nhưng trước khi đề cập vấn đề này, tôi muốn được nói đôi điều về tính chất *đơn âm tiết* của tiếng Việt.

Quả vậy, tiếng Việt được coi là một ngôn ngữ đơn âm tiết do những đặc tính sau:

- Âm tiết được xác định rõ ràng. Cấu trúc của nó có thể được trình bày theo công thức:  $(C_i) V (C_f) / T$ , trong đó:  $C_i$ : phụ âm đầu;  $V$ : nguyên âm;  $C_f$ : phụ âm cuối;  $T$ : thanh. Nhìn chung, mỗi âm tiết bao gồm một phụ âm đầu ký hiệu là  $C_i$  một phần vần ký hiệu là  $VC_f$  và một thanh  $T$ .  $C$  luôn luôn là một phụ âm đơn thậm chí cả khi nó được viết bằng một nhóm hai hoặc ba chữ cái;  $V$  có thể là một nguyên âm đơn, một nguyên âm đôi và cũng có thể lồng vào thêm một bán nguyên âm. Người miền Bắc có sử dụng sáu thanh, người miền Nam năm thanh. Các thanh được phân bố theo hai bậc: cao và thấp. Nguyên âm đầu hoặc nguyên âm cuối có thể có hay không, do vậy có ký hiệu  $(C)$ .

\* Trung tâm nghiên cứu Khoa học Quốc gia (CNRS) và Đại học Paris VII. Pháp.

Hệ thống thanh xưa nay được quy ước trong bảng sau:

Bậc	Bảng	Trắc ngắn	Trắc dài
cao	ngang ( )*	sắc ( ´ )	hỏi ( ? )
thấp	huyền ( ` )	nặng ( . )	ngã ( ~ )

\* Không có dấu

- Đa số các âm tiết tiếng Việt đều tương ứng với một hình vị là sự tương đương *âm tiết = hình vị = từ* được lý giải một cách đầy đủ. Vì sự tương đương này mà một câu hỏi ngay lập tức được đặt ra: Liệu có những hình vị dưới âm tiết trong ngôn ngữ không?
- Mỗi âm tiết dù nó là hình vị / từ hay không thì trong chữ viết vẫn phải được viết riêng rẽ với nhau.

Để tạo từ, tiếng Việt dựa vào thủ pháp kết hợp và phái sinh, thủ pháp sau này liên quan đến từ láy và việc dùng phụ tố. Hai cách thức này thường lẫn lộn. Cách thức đầu hỗ trợ cho cách thức thứ hai. Trong phần tiếp theo, trước tiên tôi sẽ nghiên cứu từ láy rồi tiếp sau là việc dùng phụ tố.

## 2. Từ láy

Để tránh mọi việc hiểu không rõ ràng về nghĩa của *từ láy*, trước hết tôi muốn xác định rõ phạm vi của khái niệm đó tại bản báo cáo này. Việc lặp lại đơn thuần một yếu tố: phụ âm, nguyên âm, âm tiết... không nhất thiết đã tạo nên một từ láy. Quả vậy, từ láy là một thủ pháp từ một hình vị / từ X được gọi là “từ cơ sở”, người ta gia thêm vào đó một phụ tố X' được tạo ra bằng việc nhắc lại toàn bộ hay một phần từ cơ sở. Như vậy, X' trong từ láy là việc ít nhiều sao chép hoàn hảo của X. Dưới góc độ đó, người ta có thể nói rằng X' là một từ tượng thanh của X. Như vậy, điều cần thiết là việc có thể xác định được từ cơ sở trong từ láy. Thêm nữa có thể nên kết hợp những sự lặp lại nào với những giá trị ngữ nghĩa nào. Nói một cách khác, trước một hình thái có sự lặp lại, có thể tồn tại một hình thái đơn giản mà người ta có lý do xếp chúng lại gần nhau, mối quan hệ hình vị được tạo nên giữa chúng mở ra vấn đề giá trị ngữ nghĩa do từ láy đảm nhiệm. Vậy là vấn đề cần xem xét ở đây là sự tương ứng giữa hình thái của từ láy và ý nghĩa nó kéo theo.

Trong tiếng Việt, từ láy có thể rất phong phú về hình thái. Nó có thể là một sự lặp lại toàn bộ từ cơ sở, lặp lại có thay đổi thanh, lặp lại có thay đổi bộ phận. Từ cơ sở có thể đơn âm tiết, hay hai âm tiết nhưng tôi không tìm thấy thí dụ từ cơ sở có ba âm tiết.

## 2.1. Từ láy biến thanh

Từ láy biến thanh chia làm hai loại tùy theo giá trị ngữ nghĩa của nó: nghĩa suy giảm và nghĩa tăng cường. Đó là những từ láy sinh động, hữu hiệu, phần lớn những từ phái sinh không được đưa vào từ điển.

### 2.1.1. Từ láy nghĩa suy giảm

Từ láy nghĩa suy giảm có tác dụng làm giảm bớt đi sức mạnh, cường độ của hành động, của trạng thái mà từ cơ sở biểu đạt. Thí dụ: giảm nghĩa của từ cơ sở “đỏ” trong từ láy *đỏ đỏ* tương đương với việc giảm nghĩa giữa *đỏ* và *đỏ lợt*. Đối với một động từ hành động như “chạy”, từ phái sinh là *chày chạy* có nghĩa là “đường như chạy”. Sau đây là những đặc tính hình thức, có nghĩa là hình vị, của từ láy nghĩa suy giảm:

- Đó là từ láy *thay đổi thanh*
- Đó là từ láy *đơn*, có nghĩa là từ cơ sở chỉ được lặp lại một lần.
- Đó là việc *thêm tiền tố*, có nghĩa là hình vị do từ láy tạo nên được đặt trước từ cơ sở.
- Tiền tố có thanh bằng cùng bậc với từ cơ sở (xem bảng *thanh sắc* ở trên)

Thí dụ với từ cơ sở (in đậm) với sáu thanh khác nhau:

- (1) **Con** > con con
- (2) **Buồn** > buồn buồn
- (3) **Cứng** > cứng cứng
- (4) **Nặng** > nặng nặng
- (5) **Đỏ** > đỏ đỏ
- (6) **Trẻ** > trẻ trẻ

Do những đặc tính của loại từ láy này, những từ cơ sở có thanh bằng phải cho những tiền tố hình vị giống hệt từ cơ sở (thí dụ 1 và 2). Nhưng nếu như có tính đến việc nhấn mạnh trọng âm thì duy chỉ có từ cơ sở có trọng âm thôi. Vì trọng âm không có ký hiệu trong chữ viết nên người ta dễ dàng nhầm lẫn một số từ láy giảm nghĩa với những từ lặp đi lặp lại hoặc từ phân bố. Tuy thế, những từ này có những công thức trọng âm khác nhau.

Thí dụ (những phần có trọng âm được gạch dưới)

- (7) *Phi cười cười* (*Phi*: tên người; *cười*, *cười cười* từ láy nghĩa suy giảm) *Phi* có vẻ tươi cười.
- (8) *Phi cười cười* (*Phi*: tên người; *cười*, *cười cười*: từ lặp đi lặp lại) *Phi* cười rồi lại cười.
- (9) *Người người đều vui* (*người*, *đều*, *vui*). Mọi người đều vui.

(7) Là trường hợp một từ lấy giảm nghĩa với âm tiết thứ nhì / từ cơ sở có trọng âm. Tại (8), cả hai âm tiết có trọng âm; giữa hai âm tiết có thể phải nghỉ hoặc có một liên từ *và* hoặc *hoặc*. Như vậy khó nói rằng âm tiết nào trong hai âm tiết là từ cơ sở. Vì lý do đó, xử lý từ lặp lại *cười cười* như một từ ghép (qua liên từ) thích hợp hơn là xử lý nó như một từ phái sinh bằng lấy. Chúng ta cần ghi nhận sự khác nhau về nghĩa giữa (7) và (8), ở dạng viết chúng giống hệt nhau, nhưng nó là kết quả của hai thủ pháp tạo từ khác nhau: một bên thuộc ngữ âm, một bên thuộc cú pháp.

Trong (9) từ cơ sở thuộc danh từ chứ không thuộc động từ như trong trường hợp từ lấy giảm nghĩa. Hơn nữa: (a) các âm tiết đều có trọng âm; (b) từ phân bố đòi hỏi phải có một tiền tố động từ “*đều*” hoặc “*cũng*”. Như vậy, những từ phân bố phải được coi như là những từ ghép cú pháp chứ không phải là những từ phái sinh bằng lấy. Một điểm khác mà nó xác định từ phân bố mang tính chất ghép hơn là phái sinh chính ở chỗ nó rất thích hợp với những đơn vị từ vựng như là đại từ không xác định: *ai, gì...* Chúng ta hãy lấy *ai* làm thí dụ. Hãy nhắc lại từ đó rồi thêm tiền tố động từ *cũng*, ta sẽ có được ngữ *ai ai cũng* (tất cả mọi người). Chúng ta hãy so sánh (10) và (11):

(10) *ai chạy?* “Người nào chạy?”

(11) *ai ai cũng chạy* “tất cả mọi người đều chạy.”

Nhưng (11a) dưới đây với *ai* không được nhắc lại, vẫn hoàn toàn đồng nghĩa với (11):

(11a) *ai cũng chạy* “mọi người đều chạy”

(11a) cho thấy rõ rằng nghĩa “mọi người đều” không phải gắn với việc lặp lại từ *ai* mà là gắn với sự hiện diện bắt buộc của từ *cũng*.

Thay đổi thanh có thể kéo theo thay đổi bộ phận. Quả vậy, những âm tiết đóng, có nghĩa là được kết thúc bằng những phụ âm tắc, chỉ có hai khả năng: thanh sắc hoặc thanh nặng. Vậy một từ cơ sở đóng chỉ có thể có phụ tố thanh bằng trong từ lấy biến thanh nếu như phụ âm cuối tắc biến thành phụ âm mũi có vị trí phát âm tương ứng, có nghĩa là *i.e. p > m; t > n; ch [c] > nh; c [k] > ng*.

Thí dụ:

(12) *hẹp* > *hèm* *hẹp*

(13) *sát* > *san* *sát*

(14) *sạch* > *sành* *sạch*

(15) *đặc* > *đằng* *đặc*

### 2.1.2. Từ lấy nghĩa tăng cường

Từ lấy nghĩa tăng cường cũng là một loại từ lấy thay đổi thanh. Về ngữ nghĩa thì đây là hiện tượng ngược lại với từ lấy nghĩa suy giảm. Từ lấy nghĩa tăng cường

có tác dụng nâng cao, gia tăng cường độ hành động hoặc trạng thái mà từ cơ sở biểu đạt. Thí dụ:

(16) *con* > *cỏn con* “rất bé”

(17) *sát* > *sát sạt* “rất sát”

Hãy ghi nhận trong (16) tiền tố *cỏn* với *thanh hỏi* đã không tuân thủ sơ đồ thanh trong từ láy nghĩa suy giảm và trong (17) ngoài sự khác nhau trong sắp xếp các thanh so với từ láy nghĩa suy giảm tương ứng, chúng ta, thay vì thêm tiền tố sẽ thêm hậu tố. Hơn nữa, những từ láy có nghĩa tăng cường có thể có được từ việc láy nhiều lần như trong (18) - (20):

(18) *con* > *cỏn cỏn con* “rất rất nhỏ” [2 lần láy]

(19a) *sát* > *sát sạt sạt* “rất rất sát” [2 lần láy]

(19b) *sát* > *sát sạt sạt san* “rất rất rất sát” [3 lần láy]

(20a) *sạch* > *sách sách sạch* “rất rất sạch” [2 lần láy]

(20b) *sạch* > *sách sách sạch sạch sạch* “rất rất rất sạch” [3 lần láy]

(20b) chứng tỏ rằng một từ phái sinh nghĩa tăng cường có thể được tạo nên bằng việc đồng thời gia thêm tiền tố và hậu tố. Trong từ láy nghĩa tăng cường, âm tiết cuối cùng mang trọng âm cho dù nó có là từ cơ sở hay không. Để xác định sơ đồ trọng âm của từ láy nghĩa tăng cường, chúng ta bắt đầu bằng âm tiết cuối cùng rồi đi ngược lên theo thứ tự luôn đổi có trọng âm rồi không có trọng âm. Nói cách khác, khi một từ láy nghĩa tăng cường có số lượng lẻ âm tiết thì các âm tiết lẻ sẽ có trọng âm; nhưng nếu nó chứa số lượng chẵn âm tiết thì những âm tiết có trọng âm sẽ là những âm tiết chẵn.

Từ láy nghĩa tăng cường có thể tăng nhiều, việc phân bổ thanh cho các hình vị thành tố cần phải được xác định. Cho tới lúc này, tất cả những điều mà người ta có thể nói chính là: một từ láy thay đổi thanh nếu không tương ứng với hình mẫu của từ có nghĩa suy giảm thì phải là một từ có nghĩa tăng cường.

Cần phải lưu ý rằng từ láy nghĩa tăng cường có thể được tạo nên từ một từ láy biến đổi thanh kèm với một sự thay đổi phụ âm đầu. Sau đây là một vài ví dụ:

(21) *tr - l*:

(a) *trật* > *trật lất* “hoàn toàn trật”

(b) *trật* > *trật lít* “hoàn toàn tắc”

(c) *trọc* > *trọc lóc* “hoàn toàn trọc”

(d) *trọt* > *trọt lớt* “hoàn toàn trượt”

(22)  $\emptyset$  - *nh*:

(a) *ế* > *ế nhẹ* “hoàn toàn ế”

(b) *yếu* > *yếu nhệu* “rất yếu”...

### 2.1.3. Từ láy từ vựng / Từ láy ngữ pháp

Tất cả những hình thái từ láy không như nhau nếu người ta xét đến sự đối lập từ vựng / ngữ pháp: Một từ phái sinh bằng láy từ vựng được đưa vào và được giải thích trong từ điển. Một từ phái sinh bằng láy ngữ pháp thì lại không. Như vậy, từ láy nghĩa suy giảm và từ láy nghĩa tăng cường mang tính chất ngữ pháp bởi lẽ người ta không thể xây dựng được danh sách đầy đủ tất cả các từ phái sinh của chúng; ngược lại chỉ cần đưa ra những quy tắc hình thức cần tuân thủ của những kiểu láy này là đã có thể tạo nên được những từ phái sinh của chúng. Nhưng trong nhiều trường hợp, tình hình lại chẳng rõ ràng lắm, do đó phải có những giải thích chi tiết hơn. Người ta có thể kể ra những danh từ hai âm tiết như: *đu đủ*, *bìm bịp* mà hình thái tương ứng hoàn toàn với từ phái sinh nghĩa suy giảm, tuy thế chúng không thể được coi là những từ loại này được. Lý do là ở chỗ trong hai thí dụ trên, không một yếu tố nào được xác định là từ cơ sở. Việc lặp lại phải được đánh giá như một đặc tính từ vựng và không tương đương với một chức năng ngữ nghĩa mà trong trường hợp này chính là từ láy nghĩa suy giảm.

Một số từ tồn tại dưới hai hình thái:

(23) (a) *bướm*: (b) *bươm bướm* “con bướm”

(24) (a) *sẻ*: (b) *se sẻ* “chim sẻ”

Đối chiếu giữa (a) và (b) từ góc độ hình thái học, dường như có thể nói rằng (b) là từ phái sinh nghĩa suy giảm của (a). Tuy thế không hề là như vậy bởi lẽ (a) và (b) là từ đồng nghĩa hoàn toàn và việc nhắc lại từ (a) để tạo ra (b) không có lấy một giá trị ý nghĩa nào. Vì vậy, việc xếp (23b) và (24b) vào trong số những đơn vị từ vựng hai âm tiết là phù hợp.

Cuối cùng, chúng ta phải xếp (21) và (22) vào trong số những từ phái sinh mang tính từ vựng. Cho tới lúc này tôi chưa có được giải thích về sự chuyển đổi  $\emptyset - nh$  của (22). Sự chuyển đổi  $tr - l$  trong (21) được giải thích theo góc độ lịch đại là vào thế kỷ XVII, tiếng Việt còn có các nhóm phụ âm *bl*; *tl*... cùng với *bl* và *tl* được thay thế đôi khi bằng *l* và thường thì bằng *tr/tl*, một phụ âm đơn hiện thời. Việc thay thế  $tl > tr/l$  giải thích vì sao lại có sự chuyển đổi phụ âm trong (21). Tuy nhiên trên phương diện đồng đại, việc coi các thí dụ này như những đơn vị từ vựng hoàn chỉnh xem ra thích hợp hơn.

### 2.1.4. Ngữ nghĩa

Hai giá trị cơ sở, nghĩa suy giảm và nghĩa tăng cường đều hoàn toàn được thừa nhận đối với từ láy biến đổi thanh. Nhưng việc *giảm nghĩa* và *tăng cường nghĩa* áp dụng cho một từ cơ sở như từ *Con* có nghĩa gì vậy? Nói về độ lớn thì từ phái sinh nghĩa suy giảm *con con* (thí dụ 1) lại lớn hơn từ *con* trong khi đó từ phái sinh nghĩa tăng cường *còn còn* (thí dụ 16) lại bé hơn. Bây giờ chúng ta hãy lấy

một tính từ chỉ màu sắc: *đỏ* làm cơ sở. Từ nghĩa suy giảm tương ứng *đỏ đỏ* (thí dụ 5) bắt ta nghĩ tới một màu sắc giống *đỏ* nhưng chất lượng màu sắc nguyên thủy cơ sở đã bị giảm đi, yếu đi. Như vậy, việc làm suy giảm đã làm hạ bớt đi cường độ của màu sắc và / hoặc làm cho các đặc tính mà nhờ nó, màu sắc được phân định kém chính xác đi (Dressler và Merlini Barbaresi, 1994: 119). Từ nghĩa tăng cường *đỏ đỏ đỏ* hoạt động theo hướng ngược lại với từ nghĩa suy giảm (thí dụ 5): nó làm tăng cường độ màu sắc của từ cơ sở, do đó, nó tạo cảm tưởng khuếch trương những đặc tính có vai trò phân định của từ cơ sở.

Đại thể, người ta có thể nói rằng nghĩa biểu đạt của từ láy nghĩa suy giảm thì ngược với nghĩa biểu đạt của những từ láy nghĩa tăng cường. Một điểm khác nhau quan trọng nữa giữa từ láy nghĩa suy giảm và từ láy nghĩa tăng cường là nếu như loại đầu chỉ bao gồm một cấp độ (từ láy nghĩa suy giảm luôn luôn đơn), thì loại thứ nhì lại có thể xảy ra ở nhiều cấp (từ láy nghĩa tăng cường có thể láy lại nhiều lần). Tính chất lặp đi lặp lại của việc gia tăng phụ tố trong những từ nghĩa tăng cường diễn tả nhiều cấp độ, cường điệu khác nhau trong việc biểu đạt.

Trên nguyên tắc, những từ láy nghĩa suy giảm và nghĩa tăng cường được áp dụng đối với tất cả các tính từ có cấp độ: những tính từ không mang tính cấp độ như “*Công*” và “*ư*” bị loại trừ. Trên thực tế, khó có thể tiến hành tạo từ phái sinh tăng cường nghĩa đối với số đông các đơn vị từ vựng, có lẽ bởi những lý do hòa thanh. Quả vậy, việc phân bố thanh trên những từ nghĩa tăng cường lúc thì láy đơn lúc thì láy nhiều lần không được dự kiến trước như đối với các từ nghĩa suy giảm.

Khi việc làm suy giảm nghĩa nhằm vào từ cơ sở không có cấp độ như động từ chuyển động *chạy*, từ phái sinh tương ứng *chày chạy* diễn tả một trạng thái có khuynh hướng giống với hành động mà từ cơ sở biểu đạt. Việc tăng cường nghĩa không áp dụng cho từ *chạy*.

Đối với một số từ cơ sở như từ chỉ định *kia*, chúng ta có những từ nghĩa tăng cường *kia kia*, *kia kia kia*, nhưng không có từ nghĩa suy giảm tương ứng. Ngược lại, từ chỉ định *đâu* chấp nhận từ phái sinh nghĩa suy giảm *đâu đâu* nhưng lại không có từ nghĩa tăng cường tương ứng.

Những lưu ý trên cho thấy ngữ nghĩa học của từ nghĩa suy giảm và nghĩa tăng cường còn cần phải nghiên cứu và khám phá nữa.

## 2.2. Từ láy có biến đổi từng phần

Có hiện tượng sản sinh mạnh mẽ những từ láy vẫn với việc thay đổi phụ âm đầu. Kiểu từ láy này có trong phần lớn các trường hợp thêm tiền tố, có nghĩa là yếu tố được lặp lại đứng trước từ cơ sở. Sự luân đổi phụ âm tiền tố - cơ sở rất phong phú: *t - l*, *t - m*, *th - l*, *l - b*, *l - k*, *l - qu*, *l - ch*, *l - kh*, *l - m*, *l - nh*, *l - ng*, *l*

- *ph, l - r, l - t, l - th, l - v, l - x, ...* Theo những thống kê của tôi, việc chuyển đổi *l - b, l - nh, l - x* và ít hơn nữa: *l - k, l - ch, l - kh, l - ng, l - r, l - t, l - r* là hay gặp nhất; *l* là phụ âm đầu của các tiền tố có thể chuyển đổi thành phần lớn các phụ âm khác của từ cơ sở.

Người ta cũng thấy những từ láy chuyển đổi nguyên âm chừng mực nào đó lại là sự kết hợp. Những trường hợp từ láy có biến đổi vẫn cũng cần được lưu ý. Tôi đề xuất việc minh họa các hình thức từ láy này và thảo luận giá trị ngữ nghĩa của chúng.

### 2.2.1. Từ láy vẫn với việc chuyển đổi *l - x*

Hàng ba chục thí dụ kiểu này đã được ghi nhận. Từ cơ sở bắt đầu bằng X nằm ở vị trí thứ hai. Thí dụ:

(25) *loàng xoàng; xoàng*

(26) *làm xàm; xàm*

(27) *lắc xác; xác*

Trong những thí dụ này, tiền tố được xem xét chính nó lại chẳng có nghĩa. Nhưng ở góc độ hình thái học / âm vị học thì đó là một yếu tố nhại âm so với từ cơ sở. Một số người gọi nó là: “Tiền tố không kiên định” (Thompson, 1965). Sự nhại âm mang tính chất hình thái học kéo theo quá trình nhại âm mang tính chất ngữ nghĩa và như vậy nó mang lại cho tiền tố nghĩa gần gũi với nghĩa của từ cơ sở. Thành phần tiền tố này chỉ có thể trở thành một hình vị khi nằm trong sự kết hợp với từ cơ sở. Như thế tiền tố có thể được coi như là một từ tượng thanh, nhưng nó chỉ là từ tượng thanh bậc hai thôi vì nó không bắt chước trực tiếp âm thanh tự nhiên. Chúng ta cũng có thể nói tới sự họa lại mang tính chất ngữ nghĩa - âm vị học ở mức độ này.

Người ta lưu ý rằng sự khác biệt về nghĩa giữa từ cơ sở và từ phái sinh khó có thể phát hiện được. Và lại các từ điển luôn quy trả từ thứ nhì về từ thứ nhất cho mọi giải thích nghĩa. Giá trị của một thí dụ như (25) *Loàng xoàng* có thể được hiểu là một từ phức tạo nên bởi hai từ mà từ thứ nhất gần như là đồng nghĩa với từ thứ hai. Từ đó cho ta thấy rằng *Loàng xoàng* có một lĩnh vực ứng dụng - sự triển khai - rộng hơn so với từ cơ sở khi chỉ đứng một mình. *Loàng xoàng* áp dụng không những cho các sinh vật hoặc đồ vật có thuộc tính *xoàng* mà cả cho các sinh vật hoặc đồ vật có phẩm chất giống, gần gũi, tương tự. Như vậy, về góc độ hiểu nghĩa, góc độ ý định, từ phái sinh có giá trị giảm nhẹ hơn so với từ cơ sở. Nhưng với sự khác nhau của các từ có nghĩa suy giảm có được do láy từ có biến đổi thanh vốn chỉ được áp dụng với những tính chất bị giảm nhẹ của từ cơ sở thì những từ phái sinh kiểu *loàng xoàng* có giá trị cả với những giá trị gần gũi của từ cơ sở lẫn với những giá trị có tính chất ổn định của chính bản thân từ cơ sở. Người ta có thể nói rằng trong (25), tiền tố *Loàng* nằm trong mối quan hệ kết hợp,



phối hợp với từ cơ sở *xoàng*, trong khi đó ở từ láy nghĩa suy giảm “*cứng cứng*”, tiền tố *cứng* là từ làm thay đổi mức độ (giảm nghĩa) của từ cơ sở *cứng*. Và lại, trong số những từ phái sinh có chuyển đổi *l - x*, người ta thấy những thí dụ như là (28) *lòe xòe*, trong đó *lòe* và *xòe* là những từ có nghĩa gần như đồng nghĩa với “mở ra”. (28) vừa là từ phái sinh bằng láy vừa là từ phái sinh của từ phức do kết hợp mà có.

### 2.2.2. Từ láy vẫn với chuyển đổi *l - nh*

Hàng ba chục thí dụ kiểu này đã được ghi nhận.

(29) *lắm nhảm; nhảm*

(30) *lao nhao; nhao*

(31) *lem nhem; nhem*

(31) có thể được xem xét dưới hai góc độ khác nhau, hoặc là từ phái sinh do láy như (29) - (30), hoặc là từ phức tạo nên bởi hai từ đồng nghĩa. Quả vậy, *lem* và *nhem* không phải là hai biến thể của cùng một đơn vị từ vựng “bẩn”, *lem* là từ người miền Nam nói, *nhem* là từ được dùng ở ngoài Bắc. Bảy thí dụ đều có hoàn cảnh như (31). Nó làm cho sự khó khăn của việc phân định từ phức và từ láy trong một số trường hợp trở nên hiển nhiên. Từ quan điểm ngữ nghĩa thì sự tương phản của những từ phái sinh kiểu này so với từ cơ sở của chúng cũng giống như trường hợp của những từ phái sinh có sự chuyển đổi *l - x*.

### 2.2.3. Từ láy có biến đổi vẫn

Chúng ta có sự chuyển đổi như *lôn/ - laol*, *lênh/ - langl*, *longl - lanhl*, *lâml - lapl*... và một số trường hợp đặc biệt trong đó chỉ có chuyển đổi nguyên âm: *lol - lel*, *lôl - lêl*, *lêl - lal*, *lul - lil*... Rộng rãi hơn cả là: *lênh/ - langl*, *lol - lel*, *lul - lil*. Do khuôn khổ hạn chế, tôi sẽ chỉ thảo luận một kiểu duy nhất, đó là *lol - lel*.

Thí dụ (từ cơ sở được in đậm)

(32) **ho** he (có ý muốn nói) ; ho

(33) **nhỏ** nhẻ (nhẹ nhàng) ; nhỏ

(34) thòm **thèm** ; thòm

Chúng ta lưu ý thấy rằng vẫn là sự chuyển đổi nguyên âm lúc thì tạo ra hậu tố trong (32) - (33) lúc thì tạo ra tiền tố như trong (34). Những từ phái sinh bắt nguồn từ việc thêm hậu tố có nghĩa chuyên sâu hơn so với nghĩa của từ cơ sở: *nhỏ nhẻ* (33) vẫn giữ giá trị của từ cơ sở *nhỏ* nhưng lại áp dụng cho cách thức mà chẳng áp dụng cho tâm vóc cũng như âm thanh. Phạm vi hoạt động của từ *nhỏ nhẻ* thu hẹp hơn so với từ cơ sở *nhỏ*. Về việc tìm hiểu nghĩa của (34), chúng ta phải dựa trên các khuôn mẫu của từ láy có chuyển đổi phụ âm được miêu tả tại 2.2.1 và 2.2.2.

### 3. Sử dụng phụ tố

Dưới đây sẽ thảo luận về hai kiểu sử dụng phụ tố: thêm tiền tố và thêm hậu tố. Rõ ràng việc thêm phụ tố cũng bao hàm láy từng phần nhưng nó có nhẽ không được xác định với tư cách như thế.

#### 3.1. Tiền tố - áp và sự gián đoạn nghĩa

(35) và (36) minh họa trường hợp thêm tiền tố trong đó - *áp* là một hình vị dưới âm tiết diễn tả *nghĩa gián đoạn*:

(35) *phông* “nở to ra” > *phập phông* “luôn phiên nở to ra (và xẹp xuống); sợ hãi”.

(36) *ngừng* “dừng lại” > *ngập ngừng* “do dự”.

(35) và (36) được coi là thêm phụ tố, bởi vì cho dù hình vị của từ cơ sở là như thế nào thì tiền tố cũng luôn chứa đựng hình vị - *áp*, việc lặp lại phụ âm đầu là hoàn toàn máy móc và chẳng có một giá trị ngữ nghĩa nào. Quả vậy, trong (35) và (36) chỉ có  $C_1$  là được lặp lại và việc lặp lại này chẳng hề kèm theo một sự thay đổi về nghĩa. Ngược lại, - *áp* là một yếu tố đảo ngược, nó bổ sung một giá trị ngữ nghĩa vào giá trị của từ cơ sở và cùng với từ cơ sở tạo nên một đơn vị từ vựng mới. Chúng ta cần lưu ý rằng tiền tố luôn luôn có thanh trắc ngắn cùng bậc với từ cơ sở. Sự tương ứng thanh giữa từ cơ sở và tiền tố và việc lặp lại của phụ âm đầu  $C_1$  chứng tỏ một hiện tượng: cho dù tiếng Việt có chấp nhận những hình vị dưới âm tiết trong đó thanh vẫn còn chưa được xác nhận, thì những hình vị này vẫn phải được sử dụng như là một đơn vị âm tiết. Việc dùng phụ tố của những hình vị dưới âm tiết phải thỏa mãn những khuôn định gò bó đơn âm tiết hóa của ngôn ngữ. Sự tồn tại của các hình vị này không được các nhà nghiên cứu ngôn ngữ học tiếng Việt hoàn toàn chấp nhận - ngoại trừ Thompson (1965) - nhất là khi các phần tử này không có thanh. Một nguồn khác không thừa nhận kiểu hình vị này cũng bắt nguồn từ việc khó luận nghĩa các phụ tố kiểu - *áp*. Như vậy, chúng ta hãy xem xét một số ví dụ bổ sung sau đây:

(37) *nhô* “xuất hiện” > *nhấp nhô* “luôn phiên xuất hiện (và biến mất)”.

(38) *mò* “gò” > *mấp mò* “lóm chớm, gập ghềnh, không bằng phẳng (con đường)”.

(39) *lóa* “chiếu sáng” > *lấp lóa* “lấp lánh”.

Qua các thí dụ (35) - (39) dường như rõ ràng rằng nghĩa của từ phái sinh là nghĩa của từ cơ sở nhưng diễn ra một cách không liên tục, gián đoạn. Ở (36), xuất phát từ *ngừng* “dừng lại”, từ phái sinh *ngập ngừng* “dừng lại từng lúc” > *ngập ngừng*. Ở (35) *phông* “nở to ra” cho *phập phông* “luôn phiên nở to ra (và xẹp xuống)”; đó cũng là hoạt động của trái tim đập mạnh, từ đó ta có “sợ hãi”. Một

con đường *mấp mô* (thí dụ 38) là một con đường có những mô cách quãng. Mối quan hệ ngữ nghĩa giữa từ cơ sở và từ phái sinh là hiển nhiên, nhưng giá trị gián đoạn gán cho tiền tố *áp* tỏ ra là không hoàn hảo để diễn tả đầy đủ nghĩa của việc dùng tiền tố như - *áp*. Cho đến lúc này, do không có gì tốt hơn, chúng ta đành chấp nhận nó như thế.

### 3.2. Hậu tố - *áp* và việc mở rộng nghĩa

Với cùng phụ tố - *áp* thay vì dùng làm tiền tố, việc dùng nó làm hậu tố sẽ dẫn đến việc suy rộng nghĩa của từ cơ sở. Việc dùng - *áp* làm hậu tố tuân thủ khuôn mẫu giống như là việc dùng - *áp* làm tiền tố vậy, có nghĩa là - *áp* bây giờ đã là thành phần của một âm tiết mà phụ âm đầu  $C_1$  giống hết phụ âm đầu của từ cơ sở và thanh của nó là thanh trắc ngắn có cùng bậc với từ cơ sở. Thí dụ:

(40) *nghiện* > *nghiện ngáp*

(41) *ngượng* > *ngượng ngáp*

(42) *dáng* > *dáng dấp*

Hậu tố - *áp* hoạt động như một bổ ngữ mà nghĩa của nó có được nhờ sự nhại lại nghĩa của từ cơ sở. Tự bản thân nó thì chẳng có nghĩa nhưng khi là hậu tố, do kết hợp với từ cơ sở, nó lại có được nghĩa “tương tự”. Ở đây có sự nhại lại nghĩa mà không kèm theo hoặc không bị quy định bởi sự nhại lại âm vị học như trong trường hợp từ láy. Kết quả là từ phái sinh [từ cơ sở + hậu tố - *áp*] về góc độ ngữ nghĩa thì tương tự như một cấu trúc gồm có hai từ đồng nghĩa, giá trị của hậu tố - *áp* không làm biến đổi như trong trường hợp của tiền tố - *áp* mà lại bổ sung vào giá trị “đồng nghĩa” của từ cơ sở và như vậy mở rộng phạm vi hoạt động của nó. Vì lý do đó mà tôi xác định việc dùng phụ tố - *áp* là việc mở rộng nghĩa.

Từ phái sinh dùng hậu tố - *áp* không nhiều lắm nhưng - *áp* có một biến thể là - *ap*, và nó thích ứng với những từ cơ sở kết thúc bằng - *âm* hoặc chính bản thân - *áp*. Thí dụ:

(43) *chậm* > *chậm chạp*

(44) *vấp* > *vấp vấp*

(45) *mập* > *mập mạp*

Nhưng như thế (43) - (45) cũng có thể được coi như là từ láy có chuyển đổi nguyên âm *â* - *a* do bởi những quy định âm vị học của từ cơ sở so với hậu tố.

## 4. Kết luận

Tôi đã miêu tả hai thủ pháp tạo từ phái sinh:

- Từ láy, mặc dầu luôn cho phép thêm phụ tố, nhưng nó phải được xác định đặc tính hình vị của thủ pháp (hình vị tác chiến) chứ không phải là hình vị

phụ tố (hình vị khúc đoạn). Quả vậy, hình thái của các phụ tố trong từ láy tùy thuộc vào hình vị của từ cơ sở và do vậy, có thể xác định rõ đặc tính của một từ láy thông qua hình thái cố định của phụ tố. Thuật ngữ láy phải chăng không làm ta nghĩ tới một thủ pháp? Có thể rút ra kết luận là trên bình diện nghĩa, chúng ta phải nói đến giá trị của thủ pháp từ láy chứ không phải giá trị của các phụ tố có được từ từ láy.

- Ngược lại với từ láy, trong việc dùng phụ tố, hình thái của những hình vị phụ tố không được dự kiến trước từ hình thái của từ cơ sở. Trong trường hợp tiếng Việt, việc sử dụng phụ tố đòi hỏi sự lặp lại một phần từ cơ sở, việc lặp lại này không hề tạo ra một giá trị ngữ nghĩa nào. Bài trình bày này của tôi đề xuất việc thừa nhận cương vị hình vị đối với một số phần tử như là tiền tố - *áp*, hoặc hậu tố - *áp* / - *ap* và từng phần tử này có lẽ phải được đưa vào trong các từ điển và phải được giải thích riêng rẽ hoặc như những phụ tố trong các đơn vị từ vựng mà nó là thành phần trong đó.

Tôi đã từng có ý định giải thích các giá trị ngữ nghĩa của các từ phái sinh bằng con đường vòng của những đối lập như *hoạt động* / *ý định*, *tính sâu rộng* / *việc hiểu nghĩa* thông qua việc chỉ ra những mối quan hệ phức hợp giữa phụ tố và từ cơ sở.

Do khuôn khổ có hạn, tôi đã không thể đề cập đến một số kiểu phái sinh, nhất là từ láy có từ cơ sở hai âm tiết và việc dùng hậu tố của hình vị - *iéc* với sắc nghĩa "xấu"; - *iéc* tương thích với hầu hết các từ đơn âm tiết của ngôn ngữ.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Abbi, A. (1997), *Le redoublement dans les langues d'A sie du Sud*, Faits de Langues 10: 3 - 36.
- André, J. (1978), *Les mots à redoublement en latin*, Paris: Klincksieck.
- Diffloth, G. (1976), *Expressives in Semai*, in P.N. Jenner, L.C. Thompson et S. Starosta (eds), *Austroasiatic Studies, Part I*, 249-264. Honolulu: The P. Presse of Hawaii.
- Dressler, W.U. et L. Merlini Barbaresi (1994) *Morphopragmatics: diminutives and intensifiers in Italian, German, and other languages*, Berlin: Mouton de Gruyter.
- Durand, M. (1961), *Les impressifs en vietnamien*, BSEI, N.S. XXXVI, 1: 7 - 50.
- Gouffé, C. (1975), *Redoublement et reduplication en haoussa: formes et fonctions*, BSLP, LXX, 1: 291-319.
- Hoàng Văn Hành (1985), *Từ láy trong tiếng Việt* [Les mots redoublés en vietnamien]. Hà Nội, Nxb Khoa học Xã hội.
- Moravsik, E.A. (1978), *Reduplicative Construction*, in J.H. Greenberg (ed.), *Universals of Human Language*, 3: 297-334, Stanford: Stanford U. Press.
- Nguyễn Phú Phong (1975), *Le syntagme verbal en vietnamien*, Paris, La Haye: Mouton.
- Thompson, L.C. (1965), *A Vietnamese Grammar*, Seattle: U. of Washington Press.